

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

QUY TRÌNH
THẨM ĐỊNH KỸ THUẬT CÁC DỰ ÁN,
NHIỆM VỤ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
SỬ DỤNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
(Tài liệu sử dụng nội bộ)

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
QUẢN LÝ PHIÊN BẢN	2
A. THÔNG TIN CHUNG	3
I. MỤC ĐÍCH	3
II. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG	3
III. CƠ SỞ PHÁP LÝ	3
B. NGUỒN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	5
I. THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ CƠ SỞ ĐỐI VỚI DỰ ÁN LẬP BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI (BƯỚC 1)	5
1. Trường hợp không phải do Sở Thông tin và Truyền thông làm chủ đầu tư.....	5
2. Trường hợp dự án do Sở Thông tin và Truyền thông làm Chủ đầu tư.....	9
II. THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ CHI TIẾT VÀ DỰ TOÁN (BƯỚC 2)	11
1. Tiếp nhận và kiểm tra sự đầy đủ của hồ sơ (Phòng Chuyển đổi số chủ trì).....	11
2. Thành lập Hội đồng thẩm định thiết kế chi tiết và dự toán	12
3. Thực hiện thẩm định thiết kế chi tiết.....	13
III. THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ CHI TIẾT ĐỐI VỚI DỰ ÁN LẬP BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT (THIẾT KẾ 01 BƯỚC)	16
1. Trường hợp không phải do Sở Thông tin và Truyền thông làm chủ đầu tư.....	16
2. Trường hợp dự án do Sở Thông tin và Truyền thông làm Chủ đầu tư.....	20
C. NGUỒN CHI THUỜNG XUYÊN	25
I. ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ LẬP ĐỀ CƯƠNG VÀ DỰ TOÁN CHI TIẾT	25
1. Trường hợp không phải do Sở Thông tin và Truyền thông làm đơn vị sử dụng ngân sách.....	25
2. Trường hợp Sở Thông tin và Truyền thông làm đơn vị sử dụng ngân sách.....	28
II. GÓP Ý YÊU CẦU KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ ĐỐI VỚI KẾ HOẠCH THUÊ DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	30
1. Đối với hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin sẵn có trên thị trường	30
2. Đối với hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin không sẵn có trên thị trường	30
PHỤ LỤC 1	36
PHỤ LỤC 2	40
PHỤ LỤC 3	44
PHỤ LỤC 4	47
PHỤ LỤC 5	49
PHỤ LỤC 6	54

QUẢN LÝ PHIÊN BẢN

STT	Phiên bản	Ngày phiên bản	Người thực hiện	Mô tả phiên bản/ Nội dung điều chỉnh
1	Ver 1.0	02/2023	Danh Hiền Thế Khoa	Phiên bản đầu tiên, xin ý kiến
2	Ver 1.1	02/2024	Danh Hiền Thế Khoa	Phiên bản cập nhật, hoàn thiện

A. THÔNG TIN CHUNG

I. MỤC ĐÍCH

Hướng dẫn trình tự, thủ tục **thẩm định về mặt kỹ thuật** đối với các dự án, nhiệm vụ về công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước (nguồn đầu tư phát triển và nguồn chi thường xuyên) theo quy định của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quản lý dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Lưu ý: Đây là tài liệu dựa trên kinh nghiệm thực tế; một số nội dung vẫn còn chưa chi tiết hoặc có thể còn chưa chính xác. Trong quá trình tham khảo, vận dụng, nếu thấy có bất cập, cần sửa đổi, đề nghị liên hệ với đầu mối (Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Sóc Trăng) để cập nhật, hoàn thiện tài liệu; đồng thời thông báo ngay cho những người đã sử dụng để có thể kịp thời sửa đổi.

II. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh có liên quan đến hoạt động quản lý dự án đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

III. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;
- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định thi hành chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công;
- Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quản lý dự án đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;
- Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về việc bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;
- Thông tư số 03/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập và quản lý chi phí dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin;
- Nghị Quyết 09/2018/NQ-HĐND ngày 10/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng Khóa IX, kỳ họp thứ 11 Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý tài sản các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

- Hướng dẫn 01/HD-UBND ngày 01/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng Quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh Sóc Trăng;
- Các văn bản liên quan.

B. NGUỒN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

I. THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ CƠ SỞ ĐỐI VỚI DỰ ÁN LẬP BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI (BƯỚC 1)

1. Trường hợp không phải do Sở Thông tin và Truyền thông làm chủ đầu tư

Sở Thông tin và Truyền thông giao cho các đơn vị chuyên môn của Sở thực hiện thẩm định theo các quy định.

1.1. Tiếp nhận và kiểm tra sự đầy đủ của hồ sơ (Phòng Chuyển đổi số chủ trì)

Hồ sơ trình thẩm định phải đáp ứng theo khoản 1 Điều 21 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP:

TT	Thành phần hồ sơ	Số lượng	Đáp ứng	Ghi chú
1.	Tờ trình thẩm định, phê duyệt dự án của Chủ đầu tư	01		Bản chính
2.	Báo cáo kết quả khảo sát, đồng thời gửi kèm theo các hồ sơ liên quan nhiệm vụ khảo sát, gồm: - Nhiệm vụ khảo sát được phê duyệt (theo điều 13 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP); - Biên bản nghiệm thu kết quả khảo sát và quyền Báo cáo kết quả khảo sát đã được nghiệm thu (theo điều 15 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP);	01	Nội dung Báo cáo kết quả khảo sát theo Điều 14 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP	
3.	Thiết kế cơ sở dự án hoặc Báo cáo Nghiên cứu khả thi dự án có bao gồm thiết kế cơ sở	01	Nội dung theo Khoản 2, Điều 44 Luật đầu tư công và Điều 16, 19 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP	

4.	Thuyết minh đề xuất cấp độ (có thể lồng ghép vào Báo cáo Nghiên cứu khả thi)	01	Điều 13 Nghị định số 85/2016/NĐ-CP	
5.	Các văn bản pháp lý, tài liệu khác có liên quan: - Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án và (nếu có) điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án (<i>đánh giá nội dung thiết kế cơ sở tuân thủ theo chủ trương đã được phê duyệt</i>); - Đề án, Chương trình, Kế hoạch... (<i>đánh giá sự phù hợp với chương trình, kế hoạch theo khoản 3, điều 21 Nghị định 73/2019/NĐ-CP</i>); - Các văn bản khác có liên quan khác...	01	Có cung cấp	

Lưu ý: Thời gian thẩm định thiết kế cơ sở đối với dự án nhóm A không quá **20 ngày**; dự án nhóm B không quá **15 ngày**; dự án nhóm C không quá **10 ngày** (khoản 2 Điều 21 Nghị định 73/2019/NĐ-CP).

1.2. Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan về kỹ thuật (nếu cần thiết)

1.	Căn cứ pháp lý	- Luật Đầu tư Công - Điều 20 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP - Điểm b, Khoản 2, Mục I Hướng dẫn 01/HD-UBND ngày 01/7/2022
2.	Tài liệu gửi xin ý kiến	- Công văn của Sở Thông tin và Truyền thông gửi xin ý kiến - Các tài liệu dự án đã tiếp nhận và kiểm tra sự đầy đủ tại mục 1.1 (nêu trên)
3.	Đơn vị chủ trì	Phòng Chuyên đổi số

4.	Đơn vị phối hợp	Các sở, ban, ngành có liên quan đến nội dung thẩm định
5.	Kết quả	Công văn ý kiến của các đơn vị có liên quan

1.3. Thực hiện thẩm định Thiết kế cơ sở

1.	Căn cứ pháp lý	- Luật Đầu tư công - Điều 21 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP - Điều 13 Nghị định số 85/2016/NĐ-CP - Điểm b, Khoản 2, Mục I Hướng dẫn 01/HD-UBND ngày 01/7/2022
2.	Căn cứ thực hiện	- Các tài liệu dự án đã tiếp nhận và kiểm tra sự đầy đủ tại mục 1.1 (nêu trên) - Công văn ý kiến của các đơn vị có liên quan (nếu có) - Các tài liệu, văn bản có liên quan (nếu có).
3.	Đơn vị chủ trì	Phòng Chuyển đổi số
4.	Nội dung thẩm định (*)	Thẩm định về Thiết kế cơ sở của dự án theo các nội dung tại Khoản 3, Điều 21 Nghị định 73/2019/NĐ-CP
5.	Lãnh đạo phê duyệt	Phó Giám đốc phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số
6.	Kết quả	Báo cáo thẩm định dự án (theo mẫu tại Phụ lục 1 kèm theo)

Lưu ý: Theo phân cấp tại Hướng dẫn 01/HD-UBND, Sở TT&TT là đơn vị đầu mối thẩm định thiết kế cơ sở các dự án trên địa bàn tỉnh.

(*) Hướng dẫn một số nội dung thẩm định cụ thể như sau:

a) Sự phù hợp về thành phần, quy cách của thiết kế cơ sở so với quy định của pháp luật, bao gồm: thuyết minh thiết kế cơ sở, các sơ đồ thiết kế cơ sở, các tài liệu khảo sát và các hồ sơ khác theo quy định của pháp luật có liên quan

a.1) Báo cáo kết quả khảo sát

- Cần có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019;

- Báo cáo kết quả khảo sát có đầy đủ các số liệu liên quan, cần thiết cho việc thiết kế cơ sở. Các số liệu này là dữ liệu đầu vào cho thiết kế cơ sở.

a.2) Phân thuyết minh của thiết kế cơ sở

Có đầy đủ các nội dung theo khoản 2 Điều 17 Nghị định 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019. Một số nội dung lưu ý khi thẩm định như sau:

- *Thuyết minh mô hình tổng thể, mô hình lo-gic, mô hình vật lý của hệ thống, đưa ra các hạng mục đầu tư chính của dự án theo phương án đã chọn và tính toán (sizing) thông số kỹ thuật cơ bản, số lượng thiết bị:*

+ Có đầy đủ mô hình tổng thể, mô hình logic, mô hình vật lý của phần hạ tầng công nghệ thông tin và phần mềm nội bộ (nếu có). Các mô hình phải được thuyết minh, bảo đảm tính logic, chặt chẽ, thể hiện đầy đủ các thành phần, hạng mục đầu tư chính của dự án và phải phù hợp với các yêu cầu về bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ, phù hợp với thuyết minh đề xuất cấp độ (ví dụ như phải có đủ các thiết bị phòng chống tấn công, giám sát an toàn thông tin, phân chia các vùng (zone) phù hợp với cấp độ đề xuất theo các hướng dẫn về bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ).

+ Tính toán (sizing) thông số kỹ thuật cơ bản, số lượng thiết bị: Có phương pháp tính toán, trên cơ sở các số liệu khảo sát để tính ra được yêu cầu về các thông số kỹ thuật cơ bản của vật tư, thiết bị như: Lưu trữ, xử lý tính toán, băng thông... và từ đó đề xuất chủng loại, số lượng thiết bị phù hợp. Khối lượng vật tư, thiết bị này là một trong những cơ sở cho việc tính toán tổng mức đầu tư.

a.3) Phân sơ đồ sơ bộ của thiết kế cơ sở

- Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật:

+ Các hiện trạng về mặt bằng (địa điểm đặt), sơ đồ, các mô hình thiết kế của hệ thống hiện trạng.

+ Khả năng bố trí tài nguyên, hạ tầng công nghệ thông tin cho hệ thống đang được đầu tư; khả năng nâng cấp, mở rộng.

+ Khả năng đáp ứng các yêu cầu của dự án đang đầu tư (để thấy được sự cần thiết đầu tư).

b) Sự phù hợp với quy hoạch, chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin

- Dự án có tên nhiệm vụ trong quy hoạch, kế hoạch Chuyển đổi số, Ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh (*lưu ý khi xây dựng quy hoạch, kế hoạch cần có tên*)

c) Sự tuân thủ với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Kiến trúc Chính phủ điện tử cấp bộ hoặc Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh

- Dự án có tên nhiệm vụ hoặc nội hàm phù hợp với Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh (*lưu ý khi xây dựng Kiến trúc cần có tên*)

- Mô hình kết nối, chia sẻ dữ liệu trong dự án tuân thủ theo Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Sóc Trăng

- Kết nối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành (nếu có) phải tuân thủ theo Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

d) Sự phù hợp của việc lựa chọn phương án công nghệ, kỹ thuật, thiết bị

- Có phân tích lựa chọn phương án công nghệ, kỹ thuật, thiết bị đối với tất cả các hạng mục, thành phần đầu tư, phù hợp với các nội dung đầu tư.

- Việc đề xuất lựa chọn trên cơ sở phù hợp, tối ưu nhất cả với hiện trạng công nghệ thông tin và với yêu cầu, nhu cầu của người sử dụng, đơn vị sử dụng; không đơn thuần chỉ so sánh các ưu nhược điểm của các công nghệ với nhau để đề xuất.

- Xem xét có thể ưu tiên các công nghệ phù hợp với định hướng của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông, xu hướng công nghệ hiện nay.

- Phải đề xuất ra được phương án công nghệ, kỹ thuật, thiết bị cụ thể (số lượng, chủng loại, thông số kỹ thuật và cấu hình cơ bản) làm cơ sở lập thiết kế cơ sở.

đ) Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các yêu cầu cơ bản về chức năng, tính năng kỹ thuật;

- Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn được áp dụng: chỉ đưa ra các tiêu chuẩn sẽ được áp dụng. Các tiêu chuẩn về phần mềm, kết nối chia sẻ dữ liệu, dữ liệu, an toàn thông tin, trung tâm dữ liệu...

e) Sự phù hợp của thiết kế cơ sở trong việc kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu liên quan.

- Việc kết nối đến các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành phải thông qua LGSP, NDXP theo Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

- Có sơ đồ, mô hình và phương án kết nối kết nối, chia sẻ dữ liệu.

2. Trường hợp dự án do Sở Thông tin và Truyền thông làm Chủ đầu tư

2.1. Tiếp nhận và kiểm tra sự đầy đủ của hồ sơ (Phòng Chuyển đổi số chủ trì)

Thực hiện theo điểm 1.1, khoản 1, mục I phần B của quy trình này.

2.3. Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan về kỹ thuật (nếu cần thiết)

Thực hiện theo điểm 1.2, khoản 1, mục I phần B của quy trình này.

2.4. Thành lập Hội đồng thẩm định thiết kế cơ sở

1.	Căn cứ pháp lý	- Luật Đầu tư Công; - Khoản 4, Điều 20 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP; - Điểm b, Khoản 2, Mục I Hướng dẫn 01/HD-UBND ngày 01/7/2022.
2.	Đơn vị chủ trì	Phòng Chuyển đổi số
3.	Nội dung thực hiện	Tham mưu thành lập Hội đồng thẩm định Thiết kế cơ sở dự án. <i>Thành phần Hội đồng thẩm định:</i> - Giám đốc Sở, Phòng Chuyển đổi số, Trung tâm Công nghệ số - Mời các đơn vị có liên quan dự án (công văn mời và công văn cử người)
4.	Đơn vị phối hợp	- Trung tâm Công nghệ số - Các đơn vị có liên quan dự án
5.	Lãnh đạo phê duyệt	Giám đốc Sở
6.	Kết quả	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định thiết kế cơ sở dự án

2.5. Thực hiện thẩm định

1.	Căn cứ pháp lý	- Luật Đầu tư công; - Điều 21 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP; - Điểm b, Khoản 2, Mục I Hướng dẫn 01/HD-UBND ngày 01/7/2022.
2.	Căn cứ thực hiện	- Các tài liệu dự án đã tiếp nhận và kiểm tra sự đầy đủ tại mục 2.1 (nêu trên) - Công văn ý kiến của các đơn vị có liên quan (nếu có) - Các tài liệu, văn bản có liên quan (nếu có).
3.	Đơn vị chủ trì	Hội đồng thẩm định thiết kế cơ sở dự án

4.	Đơn vị phối hợp	Phòng Chuyển đổi số
5.	Nội dung thẩm định	<i>Thực hiện theo điểm 1.3, khoản 1, mục I phần B của quy trình này.</i>
6.	Lãnh đạo phê duyệt	Chủ tịch Hội đồng thẩm định thiết kế cơ sở dự án
7.	Kết quả	- Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định dự án (theo nội dung tại Phụ lục 2 kèm theo). - Phiếu ý kiến của thành viên Hội đồng thẩm định; - Biên bản họp Hội đồng thẩm định (nếu có);

Lưu ý: Theo quy định tại khoản 4 điều 20 Nghị định 73/2019/NĐ-CP ngoài việc thành lập hội đồng để thẩm định thì chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có thể giao cho đơn vị chuyên môn khác để thực hiện thẩm định thiết kế cơ sở (trường hợp này Sóc Trăng chưa thực hiện).

II. THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ CHI TIẾT VÀ DỰ TOÁN (BUƯỚC 2)

1. Tiếp nhận và kiểm tra sự đầy đủ của hồ sơ (Phòng Chuyển đổi số chủ trì)

TT	Thành phần hồ sơ	Số lượng	Đáp ứng	Ghi chú
1.	Tờ trình thẩm định thiết kế chi tiết (<i>Ban quản lý dự án trình</i>)	01		Bản chính
2.	Quyển thiết kế chi tiết và dự toán (gồm thuyết minh đề xuất cấp độ)	01	Nội dung theo Điều 27, Điều 28 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP	Bản chính
3.	Báo cáo kết quả khảo sát bổ sung (nếu có), đồng thời gửi kèm theo các hồ sơ liên quan, gồm: + Nhiệm vụ khảo sát bổ sung được phê duyệt (theo điều 13, Điều 25 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP);	01	Nội dung Báo cáo kết quả khảo sát bổ sung (nếu có) theo Điều 14 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP	Cần nhắc, chỉ nên khảo sát bổ sung trong trường hợp: (1) thời gian từ khi khảo sát lập

	- Biên bản nghiệm thu và quyền Báo cáo kết quả khảo sát bổ sung được nghiệm thu kèm theo <i>(theo điều 15 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP)</i> ;			BCNCKT đến khi thiết kế chi tiết quá dài; (2) có sự thay đổi về hiện trạng...
4.	Các hồ sơ khác theo quy định của pháp luật có liên quan: - Quyết định phê duyệt dự án <i>(Kèm theo quyền Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án)/</i> Quyết định phê duyệt dự án điều chỉnh <i>(Kèm theo quyền Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án điều chỉnh)</i> <i>(nếu có)</i> ; - Các báo giá thị trường hoặc Chứng thư thẩm định giá <i>(nếu có)</i> và các hồ sơ liên quan phục vụ thẩm định dự toán.	01	Quyết định phê duyệt dự án/Quyết định phê duyệt điều chỉnh <i>(nếu có)</i> và hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt (bao gồm nội dung Thiết kế cơ sở dự án)/ hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh được phê duyệt (bao gồm nội dung Thiết kế cơ sở dự án điều chỉnh) <i>(nếu có)</i> ..	

2. Thành lập Hội đồng thẩm định thiết kế chi tiết và dự toán

1.	Căn cứ pháp lý	- Khoản 3, Điều 29 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP; - Điểm c, Khoản 2, Mục I Hướng dẫn 01/HD-UBND ngày 01/7/2022.
2.	Đơn vị chủ trì	Phòng Chuyển đổi số
3.	Nội dung thực hiện	Tham mưu Giám đốc Sở thành lập Hội đồng thẩm định thiết kế chi tiết và dự toán <i>(Phòng Chuyển đổi số chủ trì phối hợp Trung tâm Công nghệ số, Văn phòng sở, mời Chuyên gia (nếu cần thiết) theo các nội dung tại khoản 1, khoản 2 Điều 29 Nghị định 73/2019/NĐ-CP</i>

4.	Đơn vị phối hợp	Trung tâm Công nghệ số; Văn phòng sở hoặc tổ chức, cá nhân có liên quan đến dự án.
5.	Lãnh đạo phê duyệt	Giám đốc Sở
6.	Kết quả	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định thiết kế chi tiết và dự toán

3. Thực hiện thẩm định thiết kế chi tiết

1.	Căn cứ pháp lý	- Luật Đầu tư Công; - Khoản 1, Điều 29 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP; - Điểm c, Khoản 2, Mục I Hướng dẫn 01/HD-UBND ngày 01/7/2022.
2.	Căn cứ thực hiện	- Quyển thiết kế chi tiết và dự toán; - Các tài liệu, văn bản có liên quan.
3.	Đơn vị chủ trì	Hội đồng thẩm định thiết kế chi tiết và dự toán
4.	Nội dung thực hiện (*)	Thẩm định Thiết kế chi tiết và dự toán theo khoản 1, 2 Điều 29 Nghị định 73/2019/NĐ-CP
5.	Đơn vị phối hợp	Phòng Chuyển đổi số
6.	Lãnh đạo phê duyệt	Chủ tịch Hội đồng thẩm định
7.	Kết quả	- Báo cáo thẩm định Thiết kế chi tiết dự án (<i>Theo mẫu tại Phụ lục 3 kèm theo</i>) - Phiếu ý kiến của thành viên Hội đồng thẩm định (nếu có); - Biên bản họp Hội đồng thẩm định (<i>nếu có</i>);

(*) Hướng dẫn một số nội dung thẩm định kỹ thuật cụ thể như sau:

a) Sự phù hợp về thành phần, quy cách của thiết kế chi tiết so với quy định của pháp luật, bao gồm:

a.1) Các nội dung chính của thiết kế chi tiết

Có đầy đủ các nội dung theo khoản 1 Điều 27 Nghị định 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019. Một số nội dung lưu ý khi thẩm định như sau:

- Sơ đồ và thuyết minh chi tiết giải pháp thiết kế mạng, đường truyền, hạ tầng kỹ thuật, an toàn thông tin, cấp điện, chống sét, hệ thống làm mát, tính toán băng thông đường truyền:

- + Có đầy đủ và thuyết minh chi tiết mô hình tổng thể, mô hình logic, mô hình vật lý của phần hạ tầng kỹ thuật. Các mô hình phải được thuyết minh, bảo đảm tính logic, chặt chẽ, thể hiện đầy đủ các thành phần, hạng mục đầu tư chính của dự án, phù hợp với thuyết minh đề xuất cấp độ (ví dụ như phải có đủ các thiết bị phòng chống tấn công, giám sát an toàn thông tin, phân chia các vùng (zone) phù hợp với cấp độ đề xuất theo các hướng dẫn về bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ).

- + Kiểm tra, rà soát tính toán (sizing) thông số kỹ thuật cơ bản, số lượng thiết bị: Có phương pháp tính toán, trên cơ sở các số liệu khảo sát (bao gồm số liệu khảo sát tại giai đoạn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi; số liệu khảo sát bổ sung tại giai đoạn này (nếu có)) để tính ra được yêu cầu về các thông số kỹ thuật cơ bản của vật tư, thiết bị như: Lưu trữ, xử lý tính toán, băng thông... Khối lượng vật tư, thiết bị này là một trong những cơ sở cho việc tính toán tổng dự toán.

a.2) Các tài liệu khảo sát bổ sung (nếu có):

- Nhiệm vụ khảo sát bổ sung được chủ đầu tư phê duyệt theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019;

- Báo cáo kết quả khảo sát bổ sung:

- + Cần đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Nghị định 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019;

- + Báo cáo kết quả khảo sát bổ sung cần đảm bảo đầy đủ các số liệu liên quan, cần thiết cho việc thiết kế chi tiết;

- + Báo cáo kết quả khảo sát bổ sung phải được chủ đầu tư kiểm tra, nghiệm thu và là cơ sở cho việc triển khai lập thiết kế chi tiết theo quy định tại khoản 2 Điều 14 của Nghị định 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019.

a.3) Các hồ sơ khác theo quy định của pháp luật có liên quan

- Các hồ sơ khác theo quy định của pháp luật có liên quan (Ví dụ: Hồ sơ đề xuất cấp độ ATTT nếu có).

b) Sự phù hợp với thiết kế cơ sở trong báo cáo nghiên cứu khả thi được duyệt và quy định của pháp luật có liên quan

- Kiểm tra, rà soát đảm bảo khối lượng, thông số kỹ thuật của các thiết bị phần cứng, phần mềm bản quyền, phần mềm nội bộ và các dịch vụ liên quan trong Thiết kế chi tiết phù hợp với các hạng mục tương ứng trong Thiết kế cơ sở của dự án đã được phê duyệt tại Quyết định phê duyệt dự án và Báo cáo kết quả khảo sát bổ sung đã được Chủ đầu tư phê duyệt.

- Có thể xây dựng Bảng kết quả đánh giá sự phù hợp về các hạng mục đầu tư được thuyết minh tại Thiết kế chi tiết so với các hạng mục đầu tư trong Thiết kế cơ sở, trong đó đưa ra được một số thông tin sau: Danh mục thiết bị, hàng hóa, phần mềm; Thông số kỹ thuật; Đơn vị; Số lượng; Nhận xét sự phù hợp có tính chất tương đương

c) Sự phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng:

- Danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng: chỉ đưa ra các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật sẽ được áp dụng (Các tiêu chuẩn về phần mềm, kết nối chia sẻ dữ liệu, dữ liệu, an toàn thông tin, trung tâm dữ liệu...).

d) Sự tuân thủ Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Kiến trúc Chính phủ điện tử cấp bộ hoặc Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh:

- Dự án có tên nhiệm vụ hoặc nội hàm phù hợp với Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh

- Mô hình kết nối, chia sẻ dữ liệu trong dự án tuân thủ theo Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Sóc Trăng

- Kết nối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành (nếu có) phải tuân thủ theo Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

đ) Sự hợp lý của giải pháp, thiết bị:

Kiểm tra, rà soát nội dung của các giải pháp, phương án công nghệ kỹ thuật tại Thiết kế chi tiết đã được bổ sung, làm rõ ở mức độ chi tiết so với Thiết kế cơ sở trong báo cáo nghiên cứu khả thi được duyệt và quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp sai khác cần báo cáo, khuyến nghị cho Chủ đầu tư đề yêu cầu bổ sung, làm rõ.

e) Sự phù hợp của biện pháp an toàn vận hành, phòng, chống cháy, nổ:

- Có đề xuất biện pháp an toàn vận hành, phòng, chống, cháy, nổ đối với các hạng mục, thành phần đầu tư tại địa điểm đầu tư, triển khai thi công.

III. THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ CHI TIẾT ĐỐI VỚI DỰ ÁN LẬP BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT (*THIẾT KẾ 01 BƯỚC*)

1. Trường hợp không phải do Sở Thông tin và Truyền thông làm chủ đầu tư

1.1. Tiếp nhận và kiểm tra sự đầy đủ của hồ sơ (Phòng Chuyển đổi số chủ trì)

Hồ sơ trình thẩm định phải đáp ứng theo bảng liệt kê dưới đây:

TT	Thành phần hồ sơ	Số lượng	Đáp ứng	Ghi chú
1.	Tờ trình thẩm định, phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật	01		Bản chính
2.	Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật dự án có bao gồm thiết kế chi tiết (trong đó bao gồm thuyết minh đề xuất cấp độ)	01	Theo Khoản 1, Điều 22 Nghị định 73/2019/NĐ-CP.	Bản chính
3.	Báo cáo kết quả khảo sát, đồng thời gửi kèm theo các hồ sơ liên quan gồm: + Nhiệm vụ khảo sát được phê duyệt (<i>theo điều 13 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP</i>); + Biên bản nghiệm thu kết quả khảo sát và quyền Báo cáo kết quả khảo sát đã được nghiệm thu (<i>theo điều 15 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP</i>).	01	Nội dung Báo cáo kết quả khảo sát theo Điều 14 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP	
4.	Các văn bản pháp lý, tài liệu khác có liên quan: + Chủ trương đầu tư (<i>kiểm tra, đánh giá nội dung thiết kế chi có tiết tuân thủ theo</i>	01	Các văn bản có thể hiện chủ trương, định hướng nội dung	

	<i>chủ trương đã được phê duyệt);</i> + Các văn bản có liên quan khác...		liên quan dự án trình phê duyệt	
--	---	--	---------------------------------	--

Lưu ý: Thời gian thẩm định thiết kế chi tiết của Sở Thông tin và Truyền thông là không quá **10 ngày**.

1.2. Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan về kỹ thuật (nếu cần thiết)

1.	Căn cứ pháp lý	- Luật Đầu tư công; - Khoản 2 Điều 22 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP; - Điểm b, Khoản 1, Mục I Hướng dẫn 01/HD-UBND ngày 01/7/2022.
2.	Căn cứ thực hiện	- Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật dự án; - Công văn của Chủ đầu tư trình thẩm định thiết kế chi tiết dự án.
3.	Đơn vị chủ trì	Phòng Chuyển đổi số
4.	Đơn vị phối hợp	Các Sở, ngành, cá nhân có liên quan đến nội dung thẩm định;
5.	Kết quả	Công văn ý kiến của các Sở, ngành, cá nhân có liên quan

1.3. Thành lập Hội đồng thẩm định (nếu cần thiết)

1.	Căn cứ pháp lý	- Luật Đầu tư công; - Khoản 2, Điều 22 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP; - Điểm b, Khoản 1, Mục I Hướng dẫn 01/HD-UBND ngày 01/7/2022.
2.	Đơn vị chủ trì	Phòng Chuyển đổi số
3.	Nội dung thực hiện	Tham mưu Giám đốc Sở thành lập Hội đồng thẩm định thiết kế chi tiết (<i>thành phần Hội đồng thẩm định: Giám đốc Sở, Phòng Chuyển đổi số, Trung tâm Công</i>

		<i>nghe số; mời Lãnh đạo hoặc Chuyên viên công nghệ thông tin các đơn vị có liên quan dự án) theo các nội dung a, c, d, đ, e khoản 1, Điều 29 Nghị định 73/2019/NĐ-CP</i>
4.	Đơn vị phối hợp	Trung tâm Công nghệ số; Lãnh đạo hoặc Chuyên viên công nghệ thông tin các đơn vị có liên quan dự án
5.	Lãnh đạo phê duyệt	Giám đốc Sở
6.	Kết quả	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định dự án

1.4. Thực hiện thẩm định Thiết kế chi tiết

1.	Căn cứ pháp lý	- Luật Đầu tư công; - Khoản 1, Điều 29 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP; - Điểm b, Khoản 1, Mục I Hướng dẫn 01/HD-UBND ngày 01/7/2022.
2.	Căn cứ thực hiện	- Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật dự án; - Công văn ý kiến của các Sở, ngành có liên quan (<i>nếu có</i>); - Các tài liệu, văn bản có liên quan.
3.	Đơn vị chủ trì	Phòng Chuyển đổi số hoặc Hội đồng thẩm định.
4.	Nội dung thẩm định	Thẩm định Thiết kế chi tiết theo a, c, d, đ, e khoản 1 Điều 29 Nghị định 73/2019/NĐ-CP.
5.	Lãnh đạo phê duyệt	Phó Giám đốc phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số hoặc Chủ tịch Hội đồng thẩm định
6.	Kết quả	- Báo cáo thẩm định thiết kế chi tiết dự án (<i>theo nội dung tại Phụ lục 1 kèm theo</i>) hoặc Báo cáo thẩm định thiết kế chi tiết của Hội đồng thẩm định thiết kế chi tiết (<i>theo mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo</i>) - Phiếu ý kiến của thành viên Hội đồng thẩm định; - Biên bản họp Hội đồng thẩm định (<i>nếu có</i>);

(*) Hướng dẫn một số nội dung thẩm định kỹ thuật cụ thể như sau (Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định 73/2019/NĐ-CP):

a) Sự phù hợp về thành phần, quy cách của thiết kế chi tiết so với quy định của pháp luật, bao gồm:

a.1) Các nội dung chính của thiết kế chi tiết

Có đầy đủ các nội dung theo khoản 1 Điều 27 Nghị định 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019. Một số nội dung lưu ý khi thẩm định như sau:

- Sơ đồ và thuyết minh chi tiết giải pháp thiết kế mạng, đường truyền, hạ tầng kỹ thuật, an toàn thông tin, cấp điện, chống sét, hệ thống làm mát, tính toán băng thông đường truyền:

- + Có đầy đủ và thuyết minh chi tiết mô hình tổng thể, mô hình logic, mô hình vật lý của phần hạ tầng kỹ thuật. Các mô hình phải được thuyết minh, bảo đảm tính logic, chặt chẽ, thể hiện đầy đủ các thành phần, hạng mục đầu tư chính của dự án, phù hợp với thuyết minh đề xuất cấp độ (ví dụ như phải có đủ các thiết bị phòng chống tấn công, giám sát an toàn thông tin, phân chia các vùng (zone) phù hợp với cấp độ đề xuất theo các hướng dẫn về bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ).

- + Tính toán (sizing) thông số kỹ thuật cơ bản, số lượng thiết bị: Có phương pháp tính toán, trên cơ sở các số liệu khảo sát để tính ra được yêu cầu về các thông số kỹ thuật cơ bản của vật tư, thiết bị như: Lưu trữ, xử lý tính toán, băng thông... và từ đó đề xuất chủng loại, số lượng thiết bị phù hợp. Khối lượng vật tư, thiết bị này là một trong những cơ sở cho việc tính toán tổng mức đầu tư.

a.2) Các tài liệu khảo sát:

- Nhiệm vụ khảo sát được chủ đầu tư phê duyệt theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019;

- Báo cáo kết quả khảo sát:

- + Cần đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Nghị định 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019;

- + Báo cáo kết quả khảo sát cần đảm bảo đầy đủ các số liệu liên quan, cần thiết cho việc thiết kế cơ sở;

- + Báo cáo kết quả khảo sát phải được chủ đầu tư kiểm tra, nghiệm thu và là cơ sở cho việc triển khai lập thiết kế chi tiết theo quy định tại khoản 2 Điều 14 của Nghị định 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019.

a.3) Các hồ sơ khác theo quy định của pháp luật có liên quan

- Các nội dung khác của báo cáo kinh tế - kỹ thuật theo nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi quy định tại Luật đầu tư công và quy định tại khoản 1 Điều 22 của Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 05/9/2019;

- Các hồ sơ khác theo quy định của pháp luật có liên quan (Ví dụ: Hồ sơ đề xuất cấp độ ATTT nếu có).

b) Sự phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng:

- Danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng: chỉ đưa ra các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật sẽ được áp dụng (*Các tiêu chuẩn về phần mềm, kết nối chia sẻ dữ liệu, dữ liệu, an toàn thông tin, trung tâm dữ liệu...*).

c) Sự tuân thủ Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Kiến trúc Chính phủ điện tử cấp bộ hoặc Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh:

- Dự án có tên nhiệm vụ hoặc nội hàm phù hợp với Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh

- Mô hình kết nối, chia sẻ dữ liệu trong dự án tuân thủ theo Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Sóc Trăng

- Kết nối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành (nếu có) phải tuân thủ theo Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

d) Sự hợp lý của giải pháp, thiết bị:

- Có phân tích lựa chọn phương án công nghệ, kỹ thuật, thiết bị đối với tất cả các hạng mục, thành phần đầu tư, phù hợp với các nội dung đầu tư.

- Việc đề xuất lựa chọn trên cơ sở phù hợp, tối ưu nhất cả với hiện trạng công nghệ thông tin và với yêu cầu, nhu cầu của người sử dụng, đơn vị sử dụng. Không đơn thuần chỉ so sánh các ưu nhược điểm của các công nghệ với nhau để đề xuất.

- Xem xét có thể ưu tiên các công nghệ phù hợp với định hướng của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông, xu hướng công nghệ hiện nay.

- Phải đề xuất ra được phương án công nghệ, kỹ thuật, thiết bị cụ thể (số lượng, chủng loại, thông số kỹ thuật và cấu hình cơ bản) làm cơ sở lập thiết kế cơ sở.

đ) Sự phù hợp của biện pháp an toàn vận hành, phòng, chống cháy, nổ:

- Có đề xuất biện pháp an toàn vận hành, phòng, chống, cháy, nổ đối với các hạng mục, thành phần đầu tư tại địa điểm đầu tư, triển khai thi công.

2. Trường hợp dự án do Sở Thông tin và Truyền thông làm Chủ đầu tư

2.1. Tiếp nhận và kiểm tra sự đầy đủ của hồ sơ (Phòng Chuyển đổi số chủ trì)

Đáp ứng theo yêu cầu tại điểm 1.1, khoản 1, mục III, Phần B của quy trình.

2.2. Thành lập Hội đồng thẩm định thiết kế chi tiết

1.	Căn cứ pháp lý	- Luật Đầu tư công; - Điểm đ, Khoản 2, Điều 22 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP; - Điểm b, Khoản 1, Mục I Hướng dẫn 01/HD-UBND ngày 01/7/2022.
2.	Đơn vị chủ trì	Phòng Chuyển đổi số
3.	Nội dung thực hiện	Tham mưu Giám đốc Sở thành lập Hội đồng thẩm định thiết kế chi tiết (<i>thành phần Hội đồng thẩm định: Giám đốc Sở, Phòng Chuyển đổi số, Trung tâm Công nghệ số; mời Lãnh đạo hoặc Chuyên viên công nghệ thông tin các đơn vị có liên quan dự án</i>) theo các nội dung a, c, d, đ, e khoản 1, Điều 29 Nghị định 73/2019/NĐ-CP
4.	Đơn vị phối hợp	Trung tâm Công nghệ số; Lãnh đạo hoặc Chuyên viên công nghệ thông tin các đơn vị có liên quan dự án
5.	Lãnh đạo phê duyệt	Giám đốc Sở
6.	Kết quả	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định thiết kế chi tiết

2.3. Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan về kỹ thuật (nếu cần thiết)

1.	Căn cứ pháp lý	- Luật Đầu tư công; - Khoản 1, khoản 2 Điều 22 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP; - Điểm b, Khoản 1, Mục I Hướng dẫn 01/HD-UBND ngày 01/7/2022.
2.	Căn cứ thực hiện	- Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật dự án; - Công văn trình thẩm định Thiết kế chi tiết và dự toán.
3.	Đơn vị chủ trì	Phòng Chuyển đổi số

4.	Đơn vị phối hợp	Các Sở, ngành và cá nhân có liên quan đến nội dung thẩm định;
5.	Kết quả	Công văn ý kiến của các Sở, ngành và cá nhân có liên quan

2.4. Thực hiện Thẩm định thiết kế chi tiết

1.	Căn cứ pháp lý	- Luật Đầu tư công; - Khoản 1 và điểm đ Khoản 2, Điều 22 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP; - Điểm a, c, d, đ, e khoản 1, Điều 29 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP; - Điểm c, Khoản 2, Mục I Hướng dẫn 01/HD-UBND ngày 01/7/2022.
2.	Căn cứ thực hiện	- Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật dự án; - Công văn ý kiến của các Sở, ngành và cá nhân có liên quan (nếu có); - Biên bản họp hoặc phiếu ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định (nếu có).
3.	Đơn vị chủ trì	Hội đồng thẩm định thiết kế chi tiết
4.	Nội dung thực hiện thẩm định (*)	Thẩm định Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật (bao gồm nội dung Thiết kế chi tiết) theo Khoản 1 và điểm đ Khoản 2, Điều 22; điểm a, c, d, đ, e khoản 1 Điều 29 Nghị định 73/2019/NĐ-CP.
5.	Đơn vị phối hợp	Phòng Chuyển đổi số
6.	Lãnh đạo phê duyệt	Chủ tịch Hội đồng thẩm định
7.	Kết quả	- Báo cáo thẩm định Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật dự án (Theo mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo) - Phiếu ý kiến của thành viên Hội đồng thẩm định; - Biên bản họp Hội đồng thẩm định (nếu có);

Lưu ý: Theo quy định tại điểm đ khoản 2 điều 22 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngoài việc thành lập hội đồng để thẩm định thì người có thẩm quyền quyết định đầu tư có thể giao cho đơn vị chuyên môn khác để thực hiện thẩm định thiết kế chi tiết.

(*) Hướng dẫn một số nội dung thẩm định kỹ thuật cụ thể như sau (Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định 73/2019/NĐ-CP):

a) Sự phù hợp về thành phần, quy cách của thiết kế chi tiết so với quy định của pháp luật, bao gồm:

a.1) Các nội dung chính của thiết kế chi tiết

Có đầy đủ các nội dung theo khoản 1 Điều 27 Nghị định 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019. Một số nội dung lưu ý khi thẩm định như sau:

- Sơ đồ và thuyết minh chi tiết giải pháp thiết kế mạng, đường truyền, hạ tầng kỹ thuật, an toàn thông tin, cấp điện, chống sét, hệ thống làm mát, tính toán băng thông đường truyền:

+ Có đầy đủ và thuyết minh chi tiết mô hình tổng thể, mô hình logic, mô hình vật lý của phần hạ tầng kỹ thuật. Các mô hình phải được thuyết minh, bảo đảm tính logic, chặt chẽ, thể hiện đầy đủ các thành phần, hạng mục đầu tư chính của dự án.

+ Tính toán (sizing) thông số kỹ thuật cơ bản, số lượng thiết bị: Có phương pháp tính toán, trên cơ sở các số liệu khảo sát để tính ra được yêu cầu về các thông số kỹ thuật cơ bản của vật tư, thiết bị như: Lưu trữ, xử lý tính toán, băng thông... và từ đó đề xuất chủng loại, số lượng thiết bị phù hợp. Khối lượng vật tư, thiết bị này là một trong những cơ sở cho việc tính toán tổng mức đầu tư.

a.2) Các tài liệu khảo sát:

- Nhiệm vụ khảo sát được chủ đầu tư phê duyệt theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019;

- Báo cáo kết quả khảo sát:

+ Cần đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Nghị định 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019;

+ Báo cáo kết quả khảo sát cần đảm bảo đầy đủ các số liệu liên quan, cần thiết cho việc thiết kế cơ sở;

+ Báo cáo kết quả khảo sát phải được chủ đầu tư kiểm tra, nghiệm thu và là cơ sở cho việc triển khai lập thiết kế chi tiết theo quy định tại khoản 2 Điều 14 của Nghị định 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019.

a.3) Các hồ sơ khác theo quy định của pháp luật có liên quan

- Các nội dung khác của báo cáo kinh tế - kỹ thuật theo nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi quy định tại Luật đầu tư công và quy định tại khoản 1 Điều 22 của Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 05/9/2019;

- Các hồ sơ khác theo quy định của pháp luật có liên quan (Ví dụ: Hồ sơ đề xuất cấp độ ATTT nếu có).

b) Sự phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng:

- Danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng: chỉ đưa ra các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật sẽ được áp dụng (*Các tiêu chuẩn về phần mềm, kết nối chia sẻ dữ liệu, dữ liệu, an toàn thông tin, trung tâm dữ liệu...*).

c) Sự tuân thủ Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Kiến trúc Chính phủ điện tử cấp bộ hoặc Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh:

- Dự án có tên nhiệm vụ hoặc nội hàm phù hợp với Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh

- Mô hình kết nối, chia sẻ dữ liệu trong dự án tuân thủ theo Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Sóc Trăng

- Kết nối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành (nếu có) phải tuân thủ theo Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

d) Sự hợp lý của giải pháp, thiết bị:

- Có phân tích lựa chọn phương án công nghệ, kỹ thuật, thiết bị đối với tất cả các hạng mục, thành phần đầu tư, phù hợp với các nội dung đầu tư.

- Việc đề xuất lựa chọn trên cơ sở phù hợp, tối ưu nhất cả với hiện trạng công nghệ thông tin và với yêu cầu, nhu cầu của người sử dụng, đơn vị sử dụng. Không đơn thuần chỉ so sánh các ưu nhược điểm của các công nghệ với nhau để đề xuất.

- Xem xét có thể ưu tiên các công nghệ phù hợp với định hướng của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông, xu hướng công nghệ hiện nay.

- Phải đề xuất ra được phương án công nghệ, kỹ thuật, thiết bị cụ thể (số lượng, chủng loại, thông số kỹ thuật và cấu hình cơ bản) làm cơ sở lập thiết kế cơ sở.

đ) Sự phù hợp của biện pháp an toàn vận hành, phòng, chống cháy, nổ:

- Có đề xuất biện pháp an toàn vận hành, phòng, chống, cháy, nổ đối với các hạng mục, thành phần đầu tư tại địa điểm đầu tư, triển khai thi công.

C. NGUỒN CHI THƯỜNG XUYỀN

I. ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ LẬP ĐỀ CƯƠNG VÀ DỰ TOÁN CHI TIẾT

1. Trường hợp không phải do Sở Thông tin và Truyền thông làm đơn vị sử dụng ngân sách

1.2. Tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ trình thẩm định

TT	Thành phần hồ sơ	Số lượng	Đáp ứng	Ghi chú
1.	Tờ trình phê duyệt Đề cương và dự toán chi tiết	01	Theo Mẫu số 3. Tờ trình phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết kèm theo Thông tư số 03/2020/TT-BTTTT	Bản chính
2.	Đề cương và dự toán chi tiết (trong đó bao gồm Thuyết minh đề xuất cấp độ)	01	Nội dung theo Điều 3, Điều 4 Thông tư số 03/2020/TT-BTTTT	
3.	Thông báo giá, báo giá (03 nhà cung cấp) hoặc các căn cứ, phương pháp khác để xác định dự toán chi phí	01	Có cung cấp	
4.	Chứng thư thẩm định giá (nếu có)	01	Có cung cấp (nếu có)	
5.	Các văn bản có liên quan (nếu có): Các văn bản có thể hiện chủ trương, định hướng, chỉ đạo các nội dung liên quan nhiệm vụ trình phê duyệt	01	Các văn bản có thể hiện chủ trương, định hướng nội dung liên quan dự toán trình phê duyệt	

Lưu ý: Thời gian thẩm định phương án, giải pháp kỹ thuật và công nghệ tối đa 10 ngày (do thời gian thẩm định đề cương và dự toán chi tiết tối đa là 15 ngày làm việc kể từ ngày đơn vị đầu mối thẩm định nhận được đủ hồ sơ hợp lệ và không bao gồm thời gian bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ).

1.2. Lấy ý kiến thẩm định các cơ quan có liên quan về kỹ thuật (nếu cần thiết)

1.	Căn cứ pháp lý	- Nghị định số 73/2019/NĐ-CP; - Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 03/2020/TT-BTTTT; - Điểm b, Khoản 2, Mục II Hướng dẫn số 01/HD-UBND ngày 01/7/2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng.
2.	Căn cứ thực hiện	- Đề cương và dự toán chi tiết; - Tờ trình của Đơn vị sử dụng ngân sách trình thẩm định Đề cương và dự toán chi tiết; - Các tài liệu, văn bản có liên quan.
3.	Đơn vị chủ trì trong Sở	Phòng Chuyển đổi số chủ trì thẩm định phương án, giải pháp kỹ thuật, công nghệ; Văn phòng Sở thẩm định dự toán
4.	Đơn vị phối hợp	Các Sở, ban, ngành có liên quan
5.	Kết quả	Công văn ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan

1.3. Thực hiện thẩm định

1.	Căn cứ pháp lý	- Nghị định số 73/2019/NĐ-CP - Điểm a khoản 3 điều 7 Thông tư số 03/2020/TT-BTTTT - Điểm b, Khoản 2, Mục II Hướng dẫn số 01/HD-UBND ngày 01/7/2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng.
2.	Căn cứ thực hiện	- Tờ trình phê duyệt Đề cương và dự toán chi tiết - Đề cương và dự toán chi tiết - Công văn ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu có) - Các tài liệu, văn bản có liên quan.
3.	Đơn vị chủ trì trong Sở	Phòng Chuyển đổi số

4.	Nội dung thẩm định (*)	Thẩm định phương án, giải pháp kỹ thuật và công nghệ theo điểm a, khoản 3, Điều 7 Thông tư số 03/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020.
5.	Đơn vị phối hợp	Trung tâm Công nghệ số
6.	Lãnh đạo phê duyệt	Giám đốc sở hoặc Phó Giám đốc phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số
7.	Kết quả	Báo cáo thẩm định (theo mẫu số 04 kèm theo Thông tư số 03/2020/TT-BTTTT).

(*) Hướng dẫn một số nội dung thẩm định kỹ thuật cụ thể như sau:

a) Sự phù hợp của việc lựa chọn phương án, giải pháp kỹ thuật, công nghệ:

- Có phân tích lựa chọn phương án công nghệ, kỹ thuật, thiết bị đối với tất cả các hạng mục, thành phần đầu tư, phù hợp với các nội dung đầu tư, phù hợp với thuyết minh đề xuất cấp độ (ví dụ như phải có đủ các thiết bị phòng chống tấn công, giám sát an toàn thông tin, phân chia các vùng (zone) phù hợp với cấp độ đề xuất theo các hướng dẫn về bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ).

- Việc đề xuất lựa chọn trên cơ sở phù hợp, tối ưu nhất cả với hiện trạng công nghệ thông tin và với yêu cầu, nhu cầu của người sử dụng, đơn vị sử dụng. Không đơn thuần chỉ so sánh các ưu nhược điểm của các công nghệ với nhau để đề xuất.

- Xem xét có thể ưu tiên các công nghệ phù hợp với định hướng của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông, xu hướng công nghệ hiện tại.

- Phải đề xuất ra được phương án công nghệ, kỹ thuật, thiết bị cụ thể làm cơ sở lập thiết kế cơ sở.

b) Sự phù hợp của phương án, giải pháp kỹ thuật, công nghệ với các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật được áp dụng và các yêu cầu cơ bản về chức năng, tính năng kỹ thuật:

- Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn được áp dụng: chỉ đưa ra các tiêu chuẩn sẽ được áp dụng. Các tiêu chuẩn về phần mềm, kết nối chia sẻ dữ liệu, dữ liệu, an toàn thông tin, trung tâm dữ liệu...

c) Sự phù hợp của phương án, giải pháp kỹ thuật, công nghệ trong việc kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu liên quan (nếu có):

- Việc kết nối đến các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành phải thông qua LGSP, NDXP theo Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

- Có sơ đồ, mô hình và phương án kết nối kết nối, chia sẻ dữ liệu.

2. Trường hợp Sở Thông tin và Truyền thông làm đơn vị sử dụng ngân sách

2.1. Tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ trình thẩm định

Theo yêu cầu tại điểm 1.1, khoản 1, mục I, Phần C của quy trình

2.2. Thành lập Hội đồng thẩm định Đề cương và dự toán chi tiết

1.	Căn cứ pháp lý	- Nghị định số 73/2019/NĐ-CP - Điểm d khoản 2 Điều 6 Thông tư số 03/2020/TT-BTTTT - Điểm b khoản 2 Mục II Hướng dẫn số 01/HD-UBND ngày 01/7/2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng.
2.	Đơn vị chủ trì	Phòng Chuyển đổi số
3.	Nội dung thực hiện	Tham mưu Giám đốc Sở thành lập Hội đồng thẩm định đề cương và dự toán chi tiết Thành phần Hội đồng thẩm định: - Giám đốc Sở, Phòng Chuyển đổi số, Trung tâm Công nghệ số, Văn phòng Sở (thẩm định dự toán) - Mời các đơn vị có liên quan đến nhiệm vụ đang thẩm định nếu cần thiết (công văn mời và công văn cử người)
4.	Đơn vị phối hợp	Trung tâm Công nghệ số; Văn phòng Sở
5.	Lãnh đạo phê duyệt	Giám đốc Sở
6.	Kết quả	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định đề cương và dự toán chi tiết

Lưu ý: Theo điểm d khoản 2 Điều 6 Thông tư số 03/2020/TT-BTTTT quy định do Sở Thông tin và Truyền thông là đơn vị chuyên môn về công nghệ thông tin trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng thời là đơn vị sử dụng ngân sách nên phải thành lập hội đồng thẩm định để thực hiện thẩm định.

2.3. Lấy ý kiến thẩm định các cơ quan có liên quan về kỹ thuật (nếu cần thiết)

1.	Căn cứ pháp lý	- Nghị định số 73/2019/NĐ-CP; - Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 03/2020/TT-BTTTT; - Điểm b, Khoản 2, Mục II Hướng dẫn số 01/HD-UBND ngày 01/7/2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng.
2.	Căn cứ thực hiện	- Tờ trình phê duyệt Đề cương và dự toán chi tiết - Đề cương và dự toán chi tiết - Các tài liệu, văn bản có liên quan.
3.	Đơn vị chủ trì	Phòng Chuyển đổi số (thành phần của Hội đồng thẩm định)
4.	Đơn vị phối hợp	Các Sở, ngành có liên quan đến nội dung cần thẩm định
5.	Kết quả	Công văn ý kiến của các Sở, ngành có liên quan

2.4. Thực hiện báo cáo thẩm định phương án, giải pháp kỹ thuật, công nghệ

1.	Căn cứ pháp lý	- Điểm a, Khoản 3, Điều 7 Thông tư số 03/2020/TT-BTTTT - Điểm b, Khoản 2, Mục II Hướng dẫn số 01/HD-UBND ngày 01/7/2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng.
2.	Căn cứ thực hiện	- Đề cương và dự toán chi tiết - Công văn ý kiến của các Sở, ngành có liên quan (nếu có) - Biên bản họp hoặc phiếu ý kiến của thành viên Hội đồng thẩm định - Các văn bản có liên quan.
3.	Đơn vị chủ trì	Hội đồng thẩm định
4.	Đơn vị phối hợp	Phòng Chuyển đổi số
5.	Nội dung thẩm định	Thực hiện theo điểm 1.3, khoản 1, mục I phần C (phần này) của quy trình này.

6.	Lãnh đạo phê duyệt	- Hội đồng thẩm định trình báo cáo thẩm định lên Lãnh đạo Sở - Giám đốc sở phê duyệt Báo cáo thẩm định
7.	Kết quả	Báo cáo thẩm định (theo mẫu số 05 kèm theo Thông tư số 03/2020/TT-BTTTT).

Lưu ý: Theo điểm d khoản 2 điều 6 Thông tư số 03/2020/TT-BTTTT do Sở Thông tin và Truyền thông được giao làm đơn vị đầu mối thẩm định đề cương và dự toán chi tiết nên Hội đồng thẩm định không phải làm riêng báo cáo thẩm định theo mẫu số 04 kèm theo Thông tư số 03/2020/TT-BTTTT.

II. GÓP Ý YÊU CẦU KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ ĐỐI VỚI KẾ HOẠCH THUÊ DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

1. Đối với hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin sẵn có trên thị trường

Đối với hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin sẵn có trên thị trường, thực hiện theo quy định của pháp luật về mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị. Tài liệu này không hướng dẫn trường hợp này.

2. Đối với hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin không sẵn có trên thị trường

Trong trường hợp Đơn vị đầu mối thẩm định kế hoạch thuê lấy ý kiến chuyên môn của Sở Thông tin và Truyền thông thì thực hiện như sau.

2.1. Tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ lấy ý kiến

TT	Thành phần hồ sơ	Số lượng	Đáp ứng	Ghi chú
1.	Công văn xin ý kiến về kế hoạch thuê	01		Bản chính
2.	Tờ trình thẩm định Kế hoạch thuê dịch vụ CNTT	01	Theo Mẫu tại Phụ lục III kèm theo Nghị định số 73/2019/NĐ-CP	
3.	Kế hoạch thuê dịch vụ CNTT	01	Nội dung theo khoản 2 Điều 54	

	(bao gồm Thuyết minh đề xuất cấp độ)		Nghị định số 73/2019/NĐ-CP	
4.	Các văn bản có liên quan khác: - Báo cáo kết quả khảo sát đã được nghiệm thu (nếu có); - Văn bản phê duyệt chủ trương hoặc cho phép thuê dịch vụ CNTT; - Văn bản giao nhiệm vụ lập kế hoạch/ hợp đồng tư vấn hoặc tương đương; - Các tài liệu, văn bản có liên quan khác...	01	Có cung cấp	

Lưu ý: Thời gian góp ý của Sở Thông tin và Truyền thông là 10 ngày (do thời gian thẩm định Kế hoạch thuê tối đa không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày đơn vị đầu mối thẩm định nhận được đủ hồ sơ hợp lệ và không bao gồm thời gian bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Thời gian thẩm định kế hoạch thuê bao gồm thời gian đơn vị đầu mối thẩm định lấy ý kiến của đơn vị chuyên môn về công nghệ thông tin).

Trường hợp cần yêu cầu bổ sung hoặc giải trình thêm về nội dung kế hoạch thuê, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Thông tin và Truyền thông có văn bản yêu cầu bổ sung hoặc giải trình.

2.2. Thực hiện lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, lấy ý kiến chuyên gia của các tổ chức, cá nhân có chuyên môn (nếu cần thiết)

1.	Căn cứ pháp lý	- Khoản 4 điều 56 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP; - Hướng dẫn số 01/HD-UBND ngày 01/7/2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng.
2.	Căn cứ thực hiện	Tờ trình thẩm định Kế hoạch thuê dịch vụ CNTT và Hồ sơ trình thẩm định của Chủ trì thuê
3.	Văn bản gửi xin ý kiến đến cơ quan, tổ chức,	Phòng Chuyển đổi số Kèm theo toàn bộ thành phần hồ sơ trình thẩm định tại Mục 1.1, khoản 1, mục II, phần C của quy trình hoặc

	cá nhân, chuyên gia	một phần của hồ sơ, tài liệu có liên quan đến chuyên môn của cơ quan, tổ chức, cá nhân, chuyên gia xin ý kiến.
4.	Đơn vị chủ trì	Phòng Chuyển đổi số
5.	Đơn vị phối hợp	Các Sở, ngành có liên quan
6.	Kết quả	Văn bản ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan

2.3. Thực hiện cho ý kiến

1.	Căn cứ pháp lý	- Điểm b khoản 2 điều 53 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP; - Điểm b, Khoản 4, Mục II Hướng dẫn số 01/HD-UBND ngày 01/7/2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng.
2.	Căn cứ thực hiện	- Tờ trình của Chủ trì thuê trình thẩm định thuê dịch vụ công nghệ thông tin; - Văn bản của đơn vị đầu mối thẩm định gửi lấy ý kiến đơn vị chuyên môn về CNTT. - Kế hoạch thuê dịch vụ CNTT và các tài liệu, văn bản có liên quan (Thành phần hồ sơ trình thẩm định tại Mục 1.1, khoản 1, mục II, phần C của quy trình); - Văn bản ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu có).
3.	Đơn vị chủ trì	Phòng Chuyển đổi số
4.	Nội dung thẩm định	Cho ý kiến về sự phù hợp của các nội dung tại điểm a, c Khoản 2, Điều 54 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP trong kế hoạch thuê
5.	Lãnh đạo phê duyệt	Giám đốc sở hoặc Phó Giám đốc phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số
6.	Kết quả	Ý kiến về Kế hoạch thuê lập phù hợp theo các quy định: Điều 52. Quản lý thực hiện hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên

		nguồn vốn ngân sách nhà nước; Điều 54. Lập kế hoạch thuê; Điều 56. Thẩm định, phê duyệt kế hoạch thuê. Và các quy định khác có liên quan.
--	--	---

*** Hướng dẫn một số nội dung góp ý kỹ thuật cụ thể như sau:**

Sự phù hợp của các nội dung tại điểm a, c Khoản 2, Điều 54 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP trong kế hoạch thuê:

a) Sự phù hợp của nội dung Hiện trạng, sự cần thiết thuê dịch vụ

- Nội dung hiện trạng phải đảm bảo đầy đủ các số liệu liên quan, cần thiết cho việc xác định yêu cầu về chất lượng dịch vụ công nghệ thông tin.

- Nội dung thuyết minh sự cần thiết thuê dịch vụ phải đảm bảo thể hiện các dịch vụ CNTT dự kiến thuê là cần thiết, cấp bách cho việc ứng dụng CNTT, chuyển đổi số tại cơ quan/đơn vị. Ngoài ra cần có sự phân tích việc sử dụng hình thức thuê dịch vụ là phù hợp với Hiện trạng UDCNTT, phù hợp với mục tiêu, nội dung và quy mô, phạm vi, địa điểm và cơ quan, đơn vị sử dụng dịch vụ.

b) Sự phù hợp của nội dung Xác định yêu cầu về chất lượng dịch vụ công nghệ thông tin; yêu cầu về kỹ thuật, công nghệ để đáp ứng yêu cầu chất lượng dịch vụ; yêu cầu, điều kiện về khả năng kết nối, liên thông với ứng dụng, hệ thống thông tin khác; mô tả yêu cầu cần đáp ứng của phần mềm nội bộ; yêu cầu về an toàn bảo mật thông tin, dữ liệu và các yêu cầu khác

- Yêu cầu chất lượng dịch vụ trong Kế hoạch thuê phải Có các tiêu chí về chức năng nghiệp vụ; các tiêu chí về hiệu năng vận hành; các tiêu chí về an toàn thông tin; các tiêu chí phi chức năng khác; các tiêu chí về sự hài lòng của người sử dụng; các tiêu chí về quản lý dịch vụ; và các yêu cầu khác có liên quan.

- Thuyết minh mô hình tổng thể, mô hình lo-gic, mô hình vật lý của hệ thống: Có đầy đủ và thuyết minh chi tiết mô hình tổng thể, mô hình logic, mô hình vật lý của phần hạ tầng kỹ thuật. Các mô hình phải được thuyết minh, bảo đảm tính logic, chặt chẽ, thể hiện đầy đủ các thành phần, hạng mục đầu tư chính của dự án, phù hợp với thuyết minh đề xuất cấp độ (ví dụ như phải có đủ các thiết bị phòng chống tấn công, giám sát an toàn thông tin, phân chia các vùng (zone) phù hợp với cấp độ đề xuất theo các hướng dẫn về bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ).

- Kế hoạch thuê phải Có các yêu cầu về kỹ thuật, công nghệ để đáp ứng yêu cầu chất lượng dịch vụ tương ứng với các yêu cầu chất lượng dịch vụ, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, quy mô các hạng mục cần thuê dịch vụ.

+ Có phân tích lựa chọn phương án công nghệ, kỹ thuật, thiết bị đối với tất cả các hạng mục, thành phần đầu tư, phù hợp với các hạng mục cần thuê dịch vụ.

+ Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn được áp dụng: chỉ đưa ra các tiêu chuẩn sẽ được áp dụng. Các tiêu chuẩn về phần mềm, kết nối chia sẻ dữ liệu, dữ liệu, an toàn thông tin, trung tâm dữ liệu...

+ Việc đề xuất lựa chọn trên cơ sở phù hợp, tối ưu nhất cả với hiện trạng công nghệ thông tin và với yêu cầu, nhu cầu của người sử dụng, đơn vị sử dụng. Không đơn thuần chỉ so sánh các ưu nhược điểm của các công nghệ với nhau để đề xuất.

+ Xem xét có thể ưu tiên các công nghệ phù hợp với định hướng của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông, xu hướng công nghệ hiện nay.

- Kế hoạch thuê phải Có các yêu cầu, điều kiện về khả năng kết nối, liên thông với ứng dụng, hệ thống thông tin trong trường hợp dịch vụ cần thuê có kết nối liên thông với các hệ thống bên ngoài.

+ Mô hình kết nối, chia sẻ dữ liệu trong dự án tuân thủ theo Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Sóc Trăng.

+ Kết nối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành (nếu có) phải tuân thủ theo Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

+ Việc kết nối đến các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành phải thông qua LGSP, NDXP theo Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

- Kế hoạch thuê phải Có các Yêu cầu về an toàn bảo mật thông tin, dữ liệu

- Kế hoạch thuê phải Có sơ đồ, mô hình và phương án kết nối kết nối, chia sẻ dữ liệu.

- Đối với hạng mục dịch vụ Hạ tầng kỹ thuật phải có thêm các nội dung:

+ Có mô hình tổng thể, mô hình logic, mô hình vật lý của phần hạ tầng công nghệ thông tin. Các mô hình phải được thuyết minh, bảo đảm tính logic, chặt chẽ, thể hiện đầy đủ các thành phần, hạng mục cần thuê.

+ Các sơ đồ, bản vẽ về mặt bằng (địa điểm đặt), , các mô hình thiết kế của hệ thống hiện trạng.

+ Khả năng bố trí tài nguyên, hạ tầng công nghệ thông tin cho hệ thống đang được thuê; khả năng nâng cấp, mở rộng.

+ Khả năng đáp ứng các yêu cầu của dự án đang thuê (để thấy được sự cần thiết thuê).

+ Tính toán (sizing) thông số kỹ thuật cơ bản, số lượng thiết bị từ đó đề xuất chủng loại, số lượng thiết bị phù hợp.

- Đối với hạng mục dịch vụ Phần mềm nội bộ phải có thêm các nội dung:

Nội dung mô tả yêu cầu kỹ thuật cần đáp ứng của phần mềm nội bộ bao gồm:

- + Mô hình tổng thể hệ thống phần mềm cần thể hiện đầy đủ các thành phần của hệ thống phần mềm VD: Người sử dụng, kênh, giao diện, nghiệp vụ, chức năng ứng dụng, dữ liệu, ứng dụng nền tảng, hạ tầng, cơ sở vật chất.
- + Các quy trình nghiệp vụ cần được tin học hóa đáp ứng các trường hợp vận hành và các tình huống của quy trình thực tế.
- + Các đối tượng tham gia vào quy trình nghiệp vụ và mối liên hệ giữa chúng (con người, các nguồn lực, thiết bị phục vụ cho xử lý nghiệp vụ, các yếu tố đóng vai trò hỗ trợ khác). Danh sách các tác nhân phần mềm phải được liệt kê, mô tả đầy đủ người sử dụng và hệ thống bên ngoài tương tác, trao đổi thông tin với phần mềm.
- + Danh sách các yêu cầu của người sử dụng và Bảng sắp xếp thứ tự ưu tiên các yêu cầu chức năng của phần mềm được lập phù hợp với mô tả các yêu cầu chức năng cần có của phần mềm;
- + Bảng chuyển đổi yêu cầu chức năng sang trường hợp sử dụng (Use-case): Việc xác định các trường hợp sử dụng (Use case) đã được căn cứ vào Bảng sắp xếp thứ tự ưu tiên các yêu cầu chức năng để làm cơ sở cho việc điền thông tin;
- + Các yêu cầu phi chức năng thể hiện được các ràng buộc và điều kiện đối với các yêu cầu chức năng của hệ thống cần có, thể hiện được độ phức tạp về mặt kỹ thuật - công nghệ, năng lực cán bộ và môi trường phát triển phần mềm, yêu cầu về đào tạo, triển khai hệ thống;

PHỤ LỤC 1
MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ CƠ SỞ VÀ THIẾT
KẾ CHI TIẾT

UBND TỈNH SÓC TRĂNG
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế chi tiết dự án ... <tên dự án>

Kính gửi: Cơ quan, đơn vị trình thẩm định

Thực hiện thẩm định thiết kế ... <Tên của thiết kế> dự án ... <Tên của dự án> kèm theo văn bản số ... <số ký hiệu, trích yếu của văn bản gửi thẩm định thiết kế>, Sở Thông tin và Truyền thông ... báo cáo kết quả thẩm định thiết kế ... <Tên của thiết kế> dự án ... <Tên của dự án> (sau đây gọi tắt là Dự án) như sau:

I. Thông tin chung về dự án và hoạt động thẩm định thiết kế ... <tên của thiết kế>

1. Tóm tắt các nội dung chủ yếu của dự án

- Tên dự án:
- Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: VND (Bằng chữ:). Dự án thuộc nhóm
- Cơ quan chủ quản:
- Chủ đầu tư:
- Đơn vị tư vấn lập thiết kế ... <tên của thiết kế>:
- Thời gian thực hiện:

2. Hồ sơ thẩm định

Hồ sơ nhận được để thẩm định thiết kế ... <tên của thiết kế> dự án ... <Tên của dự án> bao gồm:

- a) Báo cáo kết quả khảo sát;
- b) Thiết kế ... <tên của thiết kế> hoặc Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật Dự án có bao gồm nội dung Thiết kế ... <tên của thiết kế>;
- c) Các văn bản pháp lý, tài liệu có liên quan.

3. Căn cứ thẩm định

- Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

- Hướng dẫn 01/HD-UBND ngày 01/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng Quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh Sóc Trăng;

- Các văn bản, quy định, hướng dẫn, tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan....

4. Quá trình tổ chức thẩm định

<Nêu các mốc thời gian, công việc, văn bản, cuộc họp, ... diễn ra trong quá trình thẩm định thiết kế>.

II. Kết quả thẩm định

1. Đánh giá về tính đầy đủ của hồ sơ thẩm định

<Trên cơ sở thực tế các hồ sơ gửi thẩm định, nêu được kết luận: Hồ sơ đáp ứng đủ/không đủ các thành phần theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP>.

2. Nội dung thẩm định thiết kế cơ sở¹

2.1. Sự phù hợp về thành phần, quy cách của thiết kế cơ sở so với quy định của pháp luật, bao gồm: thuyết minh thiết kế cơ sở, các sơ đồ thiết kế cơ sở, các tài liệu khảo sát và các hồ sơ khác theo quy định của pháp luật có liên quan (Theo quy định tại Điều 21, Nghị định 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019)

a) Về báo cáo kết quả khảo sát:

<Kiểm tra để đảm bảo có đủ các nội dung của báo cáo kết quả khảo sát theo quy định tại Điều 14 Nghị định 73/2019/NĐ-CP và cho ý kiến (nếu có) đối với báo cáo kết quả khảo sát>.

Kết luận: *<Đạt hoặc Không đạt>*

b) Nội dung chính của thiết kế cơ sở:

Kiểm tra để đảm bảo có đủ nội dung chính của thiết kế cơ sở theo quy định và có ý kiến thẩm định từng nội dung như sau:

- Phân thuyết minh:

+ Mô tả các yêu cầu của dự án;

+ Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn được áp dụng;

¹ Trường hợp thẩm định thiết kế chi tiết thì ghi các đầu mục nội dung thẩm định thiết kế chi tiết theo quy định tại điểm a, c, d, đ, e khoản 1 Điều 29 Nghị định 73/2019/NĐ-CP

+ Thuyết minh mô hình tổng thể, mô hình lo-gic, mô hình vật lý của hệ thống hoặc các thành phần của hệ thống (nếu có), đưa ra các hạng mục đầu tư chính của dự án theo phương án đã chọn bảo đảm thể hiện được các kết nối bên trong, bên ngoài, đường truyền (nếu có) của hệ thống và tính toán (sizing) thông số kỹ thuật cơ bản, số lượng thiết bị;

+ Khối lượng sơ bộ các công tác xây lắp, thiết bị và các yêu cầu về kỹ thuật; khối lượng sơ bộ công tác đào tạo hướng dẫn sử dụng, quản trị, vận hành và các công tác khác có liên quan;

+ Mô tả yêu cầu kỹ thuật cần đáp ứng của phần mềm nội bộ theo quy định tại Điều 18 Nghị định 73/2019/NĐ-CP.

- Phần sơ đồ sơ bộ:

+ Các tài liệu về hiện trạng hạ tầng kỹ thuật và các điều kiện khác; bản vẽ sơ bộ xây lắp, lắp đặt (đối với xây lắp mạng, lắp đặt thiết bị công nghệ thông tin và các phụ kiện);

+ Sơ đồ sơ bộ thể hiện việc kết nối, liên thông với các hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu liên quan.

- Nội dung chính của thiết kế cơ sở đối với các dự án hoặc hạng mục thuộc dự án mua sắm dự phòng, thay thế các thiết bị phần cứng thuộc hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện có và dự án mua sắm thiết bị không cần lắp đặt, phần mềm thương mại bao gồm:

+ Danh mục thiết bị phần cứng, phần mềm thương mại và các yêu cầu về kỹ thuật của thiết bị;

+ Thông kê khối lượng các thiết bị phần cứng, phần mềm thương mại.

Kết luận: <Đạt hoặc Không đạt>

2.2. Về sự phù hợp với quy hoạch, chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin (Theo quy định tại Điều 21, Nghị định 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019)

<Kiểm tra và cho ý kiến về sự phù hợp với quy hoạch, chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các của các cơ quan nhà nước>

Kết luận: <Đạt hoặc Không đạt>

2.3. Về sự tuân thủ với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Kiến trúc Chính phủ điện tử cấp bộ hoặc Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh (Theo quy định tại Điều 21, Nghị định 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019)

<Kiểm tra và cho ý kiến về sự phù hợp với Khung kiến trúc CPĐT Việt Nam và các ý kiến khác liên quan nếu có>

Kết luận: <Đạt hoặc Không đạt>

2.4. Về sự phù hợp của việc lựa chọn phương án công nghệ, kỹ thuật, thiết bị (Theo quy định tại Điều 21, Nghị định 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019)

<Kiểm tra và cho ý kiến về sự phù hợp của việc phân tích, lựa chọn phương án công nghệ, kỹ thuật, thiết bị:

- Về phân tích, lựa chọn phương án công nghệ, kỹ thuật, thiết bị
- Về thiết kế cơ sở phương án lựa chọn>

Kết luận: <Đạt hoặc Không đạt>

2.5. Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các yêu cầu cơ bản về chức năng, tính năng kỹ thuật (Theo quy định tại Điều 21, Nghị định 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019)

<Kiểm tra và cho ý kiến về sự phù hợp của thiết kế cơ sở với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các yêu cầu cơ bản về chức năng, tính năng kỹ thuật>

Kết luận: <Đạt hoặc Không đạt>

2.6. Sự **phù** hợp của thiết kế cơ sở trong việc kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu liên quan (Theo quy định tại Điều 21, Nghị định 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019)

<Kiểm tra và cho ý kiến về sự phù hợp của thiết kế cơ sở trong việc kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu liên quan>

Kết luận: <Đạt hoặc Không đạt>

3.7. Ý kiến khác

- Về phần mềm nội bộ (nếu có).
- Về hạ tầng kỹ thuật (nếu có).
- Về đường truyền (nếu có).
- Về các nội dung khác (nếu có).

III. Kết luận

Thiết kế ... <tên của thiết kế> gửi kèm theo văn bản <số ký hiệu, trích yếu văn bản gửi thẩm định> đủ điều kiện/không đủ điều kiện phê duyệt (đáp ứng/không đáp ứng yêu cầu theo quy định).

Trên đây là ý kiến thẩm định thiết kế đối với thiết kế ... <tên thiết kế> dự án ... <tên dự án>./.

GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC 2
MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ CƠ SỞ VÀ THIẾT
KẾ CHI TIẾT CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ CƠ SỞ
 Số:...../BC-HĐTĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
, ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế chi tiết dự án ... <tên dự án>

Kính gửi: Cơ quan, đơn vị trình thẩm định

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-STTTT ngày...../...../..... của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông về việc thành lập Hội đồng thẩm định ... <Tên của thiết kế> dự án ... <Tên của dự án>;

Căn cứ Biên bản họp số...../BB-HĐTĐ ngày/...../..... của Hội đồng thẩm định ... <Tên của thiết kế> dự án ... <Tên của dự án>;

Hội đồng thẩm định Thiết kế cơ sở/Thiết kế chi tiết dự án..... báo cáo kết quả thẩm định thiết kế ... <Tên của thiết kế> dự án ... <Tên của dự án> (sau đây gọi tắt là Dự án) như sau:

I. Thông tin chung về dự án và hoạt động thẩm định thiết kế ... <tên của thiết kế>

1. Tóm tắt các nội dung chủ yếu của dự án

- Tên dự án:
- Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: VND (Bằng chữ:). Dự án thuộc nhóm
- Cơ quan chủ quản:
- Chủ đầu tư:
- Đơn vị tư vấn lập thiết kế ... <tên của thiết kế>:
- Thời gian thực hiện:

2. Hồ sơ thẩm định

Hồ sơ nhận được để thẩm định thiết kế ... <tên của thiết kế> dự án ... <Tên của dự án> bao gồm:

- a) Báo cáo kết quả khảo sát;
- b) Thiết kế ... <tên của thiết kế> hoặc Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật Dự án có bao gồm nội dung Thiết kế ... <tên của thiết kế>;
- c) Các văn bản pháp lý, tài liệu có liên quan.

3. Căn cứ thẩm định

- Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.
- Hướng dẫn 01/HD-UBND ngày 01/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng Quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh Sóc Trăng;
- Các văn bản, quy định, hướng dẫn, tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan....

4. Quá trình tổ chức thẩm định

<Nêu các mốc thời gian, công việc, văn bản, cuộc họp, ... diễn ra trong quá trình thẩm định thiết kế>.

II. Kết quả thẩm định

1. Đánh giá về tính đầy đủ của hồ sơ thẩm định

<Trên cơ sở thực tế các hồ sơ gửi thẩm định, nêu được kết luận: Hồ sơ đáp ứng đủ/không đủ các thành phần theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP>.

2. Nội dung thẩm định thiết kế cơ sở²

2.1. Sự phù hợp về thành phần, quy cách của thiết kế cơ sở so với quy định của pháp luật, bao gồm: thuyết minh thiết kế cơ sở, các sơ đồ thiết kế cơ sở, các tài liệu khảo sát và các hồ sơ khác theo quy định của pháp luật có liên quan (Theo quy định tại Điều 21, Nghị định 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019)

- a) Về báo cáo kết quả khảo sát:

<Kiểm tra để đảm bảo có đủ các nội dung của báo cáo kết quả khảo sát theo quy định tại Điều 14 Nghị định 73/2019/NĐ-CP và cho ý kiến (nếu có) đối với báo cáo kết quả khảo sát>.

- b) Nội dung chính của thiết kế cơ sở:

Kiểm tra để đảm bảo có đủ nội dung chính của thiết kế cơ sở theo quy định và có ý kiến thẩm định từng nội dung như sau:

- Phân thuyết minh:
 - + Mô tả các yêu cầu của dự án;
 - + Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn được áp dụng;

² Trường hợp thẩm định thiết kế chi tiết thì ghi các đầu mục nội dung thẩm định thiết kế chi tiết theo quy định tại điểm a, c, d, đ, e khoản 1 Điều 29 Nghị định 73/2019/NĐ-CP

+ Thuyết minh mô hình tổng thể, mô hình lo-gic, mô hình vật lý của hệ thống hoặc các thành phần của hệ thống (nếu có), đưa ra các hạng mục đầu tư chính của dự án theo phương án đã chọn bảo đảm thể hiện được các kết nối bên trong, bên ngoài, đường truyền (nếu có) của hệ thống và tính toán (sizing) thông số kỹ thuật cơ bản, số lượng thiết bị;

+ Khối lượng sơ bộ các công tác xây lắp, thiết bị và các yêu cầu về kỹ thuật; khối lượng sơ bộ công tác đào tạo hướng dẫn sử dụng, quản trị, vận hành và các công tác khác có liên quan;

+ Mô tả yêu cầu kỹ thuật cần đáp ứng của phần mềm nội bộ theo quy định tại Điều 18 Nghị định 73/2019/NĐ-CP.

- Phần sơ đồ sơ bộ:

+ Các tài liệu về hiện trạng hạ tầng kỹ thuật và các điều kiện khác; bản vẽ sơ bộ xây lắp, lắp đặt (đối với xây lắp mạng, lắp đặt thiết bị công nghệ thông tin và các phụ kiện);

+ Sơ đồ sơ bộ thể hiện việc kết nối, liên thông với các hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu liên quan.

- Nội dung chính của thiết kế cơ sở đối với các dự án hoặc hạng mục thuộc dự án mua sắm dự phòng, thay thế các thiết bị phần cứng thuộc hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện có và dự án mua sắm thiết bị không cần lắp đặt, phần mềm thương mại bao gồm:

+ Danh mục thiết bị phần cứng, phần mềm thương mại và các yêu cầu về kỹ thuật của thiết bị;

+ Thông kê khối lượng các thiết bị phần cứng, phần mềm thương mại.

Kết luận: <Đạt hoặc Không đạt>

2.2. Về sự phù hợp với quy hoạch, chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin (Theo quy định tại Điều 21, Nghị định 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019)

<Kiểm tra và cho ý kiến về sự phù hợp với quy hoạch, chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các của các cơ quan nhà nước>

Kết luận: <Đạt hoặc Không đạt>

2.3. Về sự tuân thủ với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Kiến trúc Chính phủ điện tử cấp bộ hoặc Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh (Theo quy định tại Điều 21, Nghị định 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019)

<Kiểm tra và cho ý kiến về sự phù hợp với Khung kiến trúc CPĐT Việt Nam và các ý kiến khác liên quan nếu có>

Kết luận: <Đạt hoặc Không đạt>

2.4. Về sự phù hợp của việc lựa chọn phương án công nghệ, kỹ thuật, thiết bị (Theo quy định tại Điều 21, Nghị định 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019)

<Kiểm tra và cho ý kiến về sự phù hợp của việc phân tích, lựa chọn phương

án công nghệ, kỹ thuật, thiết bị:

- Về phân tích, lựa chọn phương án công nghệ, kỹ thuật, thiết bị
- Về thiết kế cơ sở phương án lựa chọn>

Kết luận: <Đạt hoặc Không đạt>

2.5. Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các yêu cầu cơ bản về chức năng, tính năng kỹ thuật (Theo quy định tại Điều 21, Nghị định 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019)

<Kiểm tra và cho ý kiến về sự phù hợp của thiết kế cơ sở với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các yêu cầu cơ bản về chức năng, tính năng kỹ thuật>

Kết luận: <Đạt hoặc Không đạt>

2.6. Sự **phù** hợp của thiết kế cơ sở trong việc kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu liên quan (Theo quy định tại Điều 21, Nghị định 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019)

<Kiểm tra và cho ý kiến về sự phù hợp của thiết kế cơ sở trong việc kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu liên quan>

Kết luận: <Đạt hoặc Không đạt>

3.7. Ý kiến khác

- Về phần mềm nội bộ (nếu có).
- Về hạ tầng kỹ thuật (nếu có).
- Về đường truyền (nếu có).
- Về các nội dung khác (nếu có).

III. Kết luận

Thiết kế ... <tên của thiết kế> đủ điều kiện/không đủ điều kiện phê duyệt (đáp ứng/không đáp ứng yêu cầu theo quy định).

Trên đây là ý kiến thẩm định thiết kế đối với thiết kế ... <tên thiết kế> dự án ... <tên dự án> của Hội đồng thẩm định./.

TM. HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC 3
MẪU BÁO CÁO THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ CHI TIẾT VÀ DỰ TOÁN ĐỐI
VỚI DỰ ÁN LẬP BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI (BƯỚC 2)

SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ
THI CÔNG VÀ DỰ TOÁN

Số:/BC-HĐTĐTKTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sóc Trăng, ngày ... tháng .. năm ...

BÁO CÁO
Kết quả thẩm định Thiết kế chi tiết và dự toán dự án.....<Tên dự án>....

Kính gửi: Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Sóc Trăng

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-STTTT ngày...../...../..... của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông về việc thành lập Hội đồng thẩm định thiết kế chi tiết và dự toán dự án ... <Tên của dự án>;

Căn cứ quyền Thiết kế chi tiết và dự toán dự án<Tên dự án>.... do<Tên đơn vị tư vấn lập Thiết kế chi tiết và dự toán>... lập;

Căn cứ Biên bản số/BB-HĐTĐTKTC ngày .../.../... của Hội đồng thẩm định Thiết kế chi tiết và dự toán về việc thẩm định Thiết kế chi tiết và dự toán dự án.....<Tên dự án>....,

Hội đồng thẩm định Thiết kế chi tiết và dự toán báo cáo kết quả thẩm định như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN THẨM ĐỊNH

1. Thông tin chung của dự án:

- Tên dự án:
- Chủ đầu tư:
- Tổ chức tư vấn lập thiết kế thi công và dự toán:
- Chủ trì thiết kế thi công và dự toán:
- Địa điểm thực hiện dự án:
- Loại dự án:

- Quy mô, phạm vi thiết kế chủ yếu của dự án:
- Dự toán đầu tư của dự án:
- Nguồn vốn đầu tư:
- Thời gian thực hiện dự án:

2. Hồ sơ thẩm định

Hồ sơ nhận được để thẩm định thiết kế chi tiết và dự toán bao gồm:

- a) Báo cáo kết quả khảo sát bổ sung (nếu có);
- b) Quyền Thiết kế chi tiết và dự toán;
- c) Các văn bản pháp lý, tài liệu có liên quan.

3. Căn cứ thẩm định

- Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.
- Hướng dẫn 01/HD-UBND ngày 01/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng Quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh Sóc Trăng;
- Các văn bản, quy định, hướng dẫn, tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan....

4. Quá trình tổ chức thẩm định

<Nêu các mốc thời gian, công việc, văn bản, cuộc họp, ... diễn ra trong quá trình thẩm định thiết kế>.

II. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ CHI TIẾT

1.1. Sự phù hợp về thành phần, quy cách của thiết kế so với quy định của pháp luật:

1.2. Sự phù hợp với thiết kế cơ sở trong báo cáo nghiên cứu khả thi được duyệt:

1.3. Sự phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng:

1.4. Sự tuân thủ Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Kiến trúc Chính phủ điện tử cấp bộ hoặc Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh:

1.5. Sự hợp lý của giải pháp, thiết bị:

1.6. Sự phù hợp của biện pháp an toàn vận hành, phòng chống cháy nổ

2. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH DỰ TOÁN

2.1. Sự phù hợp giữa khối lượng thiết kế thi công và khối lượng dự toán:

2.2. Sự phù hợp của việc áp dụng các định mức kinh tế - kỹ thuật, mức chi phí, đơn giá; việc vận dụng định mức, đơn giá, phương pháp tính, các chế độ, chính sách có liên quan và các mục chi phí trong dự toán theo quy định:

2.3. Giá trị dự toán đầu tư dự án theo ý kiến thẩm định

ĐVT: đồng

TT	Nội dung	Dự toán trình thẩm định	Kết quả thẩm định	Tăng (+) Giảm (-)
1	Chi phí thiết bị			
2	Chi phí quản lý dự án			
3	Chi phí tư vấn			
4	Chi phí khác			
5	Chi phí dự phòng			
Tổng cộng				

Nguyên nhân tăng, giảm:

(Nội dung khoản mục chi phí trong dự toán xem chi tiết trong Thiết kế thi công và dự toán dự án).

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Đề nghị khi triển khai thực hiện Chủ đầu tư và đơn vị tư vấn cần lưu ý các nội dung chủ yếu sau:

- Khối lượng thực hiện phải được nghiệm thu và thanh quyết toán cụ thể theo quy định hiện hành.
- Quá trình thực hiện phải tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Thiết kế chi tiết và dự toán ...<tên dự toán>... đủ điều kiện để trình Chủ đầu tư xem xét, phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
CHỦ TỊCH**

PHỤ LỤC 4

NỘI DUNG THẨM ĐỊNH KẾ HOẠCH THUÊ DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

I. Căn cứ thẩm định

II. Thông tin chung

1. Tên hoạt động thuê
2. Chủ trì thuê
3. Tổ chức tư vấn lập kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin (nếu có)
4. Mục tiêu
5. Nội dung và quy mô
6. Địa điểm
7. Dự toán
8. Nguồn vốn
9. Thời gian thực hiện

III. Nội dung thẩm định kế hoạch thuê

1. Sự phù hợp của các nội dung trong kế hoạch thuê (*quy định tại Điều 54, Nghị định 73/2019/NĐ-CP*)

1.1. Hiện trạng và sự cần thiết đầu tư:

1.2. Các hạng mục chính cần thuê; mục tiêu, nội dung và quy mô, phạm vi, địa điểm và cơ quan, đơn vị sử dụng dịch vụ

a) Hạng mục chính cần thuê bao gồm:

b) Mục tiêu thuê dịch vụ:

c) Nội dung quy mô thuê dịch vụ:

d) Phạm vi và địa điểm thuê và cơ quan sử dụng dịch vụ

1.3. Các yêu cầu về dịch vụ

a) Yêu cầu về chất lượng dịch vụ công nghệ thông tin

b) Yêu cầu về kỹ thuật, công nghệ đáp ứng yêu cầu chất lượng dịch vụ:

c) Yêu cầu về điều kiện, khả năng kết nối, liên thông với ứng dụng, hệ thống thông tin khác

d) Yêu cầu về an toàn bảo mật thông tin

đ) Hạ tầng thiết bị, hạ tầng mạng

1.4. Xác định, làm rõ việc sở hữu các thông tin, dữ liệu hình thành trong quá trình cung cấp dịch vụ và phương án quản lý, chuyển giao cho bên thuê:

1.5. Thời gian thuê và tiến độ, thời gian xây dựng, phát triển, hình thành dịch vụ:

1.6. Yêu cầu về các phát sinh trong quá trình khai thác, sử dụng dịch vụ:

2. Ý kiến khác

IV. Kết luận và kiến nghị

Kế hoạch ... về mặt kỹ thuật đủ điều kiện trình cấp có thẩm quyền phê duyệt./.

GIÁM ĐỐC/HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC 5

MỘT SỐ VĂN BẢN VỀ QUY HOẠCH, CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

I. Lĩnh vực Công nghệ thông tin

- Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006;
- Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13 ngày 19/11/2015;
- Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;
- Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;
- Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;
- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;
- Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;
- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;
- Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/09/2019 của Chính phủ về việc Quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;
- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ về việc hướng dẫn Luật Đầu tư công;

- Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

- Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

- Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

- Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

- Thông tư 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

- Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018-2025 và định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1017/QĐ-TTg ngày 14/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án giám sát an toàn thông tin mạng đối với hệ thống, dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ chính phủ điện tử đến năm 2020, định hướng đến năm 2025;

- Quyết định số 829/QĐ-BTTTT ngày 31/5/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung tham chiếu ICT phát triển đô thị thông minh phiên bản 1.0;

- Quyết định số 2323/QĐ-BTTTT ngày 31/12/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông Ban hành khung kiến trúc Chính phủ Việt Nam, phiên bản 2.0;

- Quyết định số 58/QĐ-TTg ngày 03/4/2020 Phê duyệt Đề án Lưu trữ tài liệu điện tử của các cơ quan nhà nước giai đoạn 2020 – 2025;

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/06/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1907/QĐ-TTg ngày 23/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin giai đoạn 2021 - 2025";

- Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 20/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án xây dựng hệ thống CSDL liên ngành về ĐBSCL phục vụ phát triển bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Quyết định số 186/QĐ-BTTTT ngày 11/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số;

- Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại;

- Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp hạng của Việt Nam;

- Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 26/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia;

II. Các lĩnh vực khác

1. Ngành Giáo dục và đào tạo

- Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1282/QĐ-BGDĐT ngày 10/5/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

2. Ngành Y tế

- Nghị quyết số 157-NQ/BCSD của Ban cán sự đảng Bộ Y tế về chuyển đổi số y tế đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 3040/QĐ-BYT ngày 14/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển hệ thống thông tin y tế giai đoạn 2014 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030;
- Quyết định số 5454/QĐ-BYT ngày 10/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Kế hoạch triển khai thống kê y tế điện tử;
- Quyết định số 4888/QĐ-BYT ngày 18/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt Đề án ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin y tế thông minh giai đoạn 2018-2025;
- Quyết định số 6111/QĐ-BYT ngày 29/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt Đề án triển khai ứng dụng công nghệ thông tin tại Trạm Y tế xã, phường giai đoạn 2018-2020;
- Quyết định số 6085/QĐ-BYT ngày 30/12/2019 của Bộ Y tế ban hành Kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ Y tế phiên bản 2.0;
- Quyết định số 5316/QĐ-BYT ngày 22/12/2020 của Bộ Y tế về phê duyệt chương trình chuyển đổi số y tế đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 2628/QĐ-BYT ngày 22/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt Đề án “Khám, chữa bệnh từ xa” giai đoạn 2020-2025;
- Quyết định số 2955/QĐ-BYT ngày 28/10/2022 của Bộ Y tế phê duyệt Kế hoạch thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số y tế thực hiện chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

3. Ngành Tài nguyên và Môi trường

- Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;
- Quyết định số 3196/QĐ-BTNMT ngày 16/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Kiến trúc Chính phủ điện tử ngành tài nguyên và môi trường, Phiên bản 2.0;
- Quyết định số 417/QĐ-BTNMT ngày 10/3/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Chương trình chuyển đổi số tài nguyên và môi trường đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

4. Ngành Văn hóa, thể thao và Du lịch

- Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 11/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số ngành thư viện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 30/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực du lịch giai đoạn 2018 - 2020, định hướng đến năm 2025;

- Quyết định số 2292/QĐ-BVHTTDL ngày 13/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Chương trình hành động phát triển du lịch giai đoạn 2021- 2025;

- Quyết định số 2026/QĐ-TTg ngày 02/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình số hoá Di sản văn hoá Việt Nam giai đoạn 2021-2030;

- Quyết định số 3611/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số của Bộ đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 172/QĐ-BVHTTDL ngày 25/1/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Kế hoạch phát triển du lịch số giai đoạn 2021-2025.

5. Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Nghị Quyết số 26-NQ/TW ngày 5/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

- Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

- Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;

- Quyết định số 357/QĐ-TTg ngày 10/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

- Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 5307/QĐ-BNN-KHCN ngày 31/12/2021 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn phê duyệt Kiến trúc Chính phủ Điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phiên bản 2.0;

- Quyết định số 2151/QĐ-BNN-VP ngày 15/6/2022 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc Phê duyệt Kế hoạch chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giai đoạn 2022-2025.

PHỤ LỤC 6

DANH MỤC KỸ THUẬT THAM KHẢO

1. Ngành Thông tin và Truyền thông

- Thông tư số 39/2017/TT-BTTTT ngày 15/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc Ban hành Danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước;
- Thông tư số 13/2017/TT-BTTTT ngày 23/6/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định các yêu cầu kỹ thuật kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu với các cơ sở dữ liệu quốc gia;
- Thông tư số 22/2019/TT-BTTTT ngày 31/12/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về tiêu chí chức năng, tính năng kỹ thuật của Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh;
- Thông tư 40/2020/TT-BTTTT ngày 30/11/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chí xác định sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin sản xuất trong nước được ưu tiên đầu tư, thuê, mua sắm;
- Thông tư số 22/2020/TT-BTTTT ngày 07/9/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về yêu cầu kỹ thuật đối với phần mềm ký số, phần mềm kiểm tra chữ ký số;
- Thông tư số 02/2021/TT-BTTTT ngày 21/06/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc, định dạng dữ liệu phục vụ kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin báo cáo trong Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia;
- Thông tư số 02/2022/TT-BTTTT ngày 16/5/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Thông tư số 23/2022/TT-BTTTT ngày 31/11/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2013/TT-BTTTT ngày 22 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với trung tâm dữ liệu;
- Quyết định số 157/QĐ-BTTTT ngày 28/01/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Bộ tiêu chí yêu cầu kỹ thuật tối thiểu nền tảng Hợp trực tuyến;
- Công văn 631/THH-THHT ngày 21/5/2020 Hướng dẫn nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung cấp Bộ, Tỉnh của Cục tin học hóa
- Công văn số 2558/BTTTT-CBĐTW ngày 02/8/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố tài liệu hướng dẫn việc xây dựng, triển khai hạ tầng mạng và hệ thống thiết bị; tiêu chuẩn kỹ thuật kết nối các hệ thống HNTH; ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ các cuộc họp trực tuyến;

- Công văn số 235/CATTT-ATHTTT ngày 08/4/2020 của Cục An toàn thông tin hướng dẫn mô hình bảo đảm an toàn thông tin cấp bộ, tỉnh;

- Danh mục Tiêu chuẩn quốc gia lĩnh vực Thông tin và Truyền thông (tham khảo thêm tại địa chỉ: <https://mic.gov.vn/mra/Pages/TinTuc/134582/Danh-muc-Tieu-chuan-quoc-gia-linh-vuc-Thong-tin-va-Truyen-thong.html>)

2. Ngành Giáo dục và Đào tạo

- Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo;

- Quyết định số 4998/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định kỹ thuật về dữ liệu của cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo;

- Quyết định số 4597/QĐ-BGDĐT ngày 28/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định kỹ thuật về dữ liệu trong thanh toán không dùng tiền mặt đối với việc thu học phí và các khoản thu dịch vụ giáo dục;

3. Ngành Y tế

- Quyết định số 4210/QĐ-BYT ngày 20/9/2017 của Bộ Trưởng Bộ Y tế về việc quy định chuẩn và định dạng dữ liệu đầu ra sử dụng trong quản lý, giám định và thanh toán chi phí khám chữa bệnh;

- Quyết định số 3532/QĐ-BYT ngày 12/8/2020 của Bộ Y tế quy định về xây dựng và triển khai Hệ thống thông tin quản lý Trạm Y tế xã, phường, thị trấn;

- Thông tư số 49/2017/TT-BYT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về hoạt động y tế từ xa;

- Thông tư số 53/2014/TT-BYT ngày 29/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định điều kiện hoạt động y tế trên môi trường mạng;

- Thông tư số 54/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế đã ban hành Bộ tiêu chí chỉ ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

- Thông tư 46/2018/TT-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y quy định về hồ sơ bệnh án điện tử;

4. Ngành Tài nguyên và Môi trường

- Thông tư số 973/2001/TT-TCĐC ngày 20/6/2001 của Tổng cục Địa chính hướng dẫn áp dụng hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia vn-2000;

- Thông tư số 23/2011/TT-BTNMT ngày 06/7/2011 của Bộ Tài nguyên Môi trường về việc Quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chuẩn hóa địa danh phục vụ công tác thành lập bản đồ;

- Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định về Bản đồ địa chính;

- Thông tư số 26/2014/TT-BTNMT ngày 28/5/2014 của Bộ Tài nguyên Môi trường về việc ban hành Quy trình và định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường;

- Thông tư số 34/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thông tin đất đai;

- Thông tư số 75/2015/TT-BTNMT ngày 28/12/2015 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định kỹ thuật về cơ sở dữ liệu đất đai;

- Thông tư số 14/2020/TT-BTNMT ngày 27/11/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành Quy trình và Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng, duy trì, vận hành hệ thống thông tin ngành tài nguyên và môi trường.